TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 27/10/2020.
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Ngô Thành Long.

2/. Bà Đàm Thị Thanh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Hồng L, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Vĩnh Phong, xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn L, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Vĩnh Phong, xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện lập ngày 31/01/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trương Thị Hồng L trình bày:**

Vào ngày 10/11/2002, chị và anh Võ Văn L có đăng ký kết hôn với nhau và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Quới, huyện Ngã Năm (nay là thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống anh, chị có con chung tên Võ Tấn L, sinh ngày 27/7/1999 và cháu Võ Tiến L, sinh ngày 25/9/2006, hiện nay đang sống chung với anh L. Thời gian chung sống anh, chị không có tài sản

chung, nợ chung. Quá trình chung sống anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách và hai người đã ly thân kể từ tháng 11/2019 cho đến nay. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn L .

Về con chung: chị đồng ý giao cháu Võ Tiến L, sinh ngày 25/9/2006 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Võ Tấn L, sinh ngày 27/7/1999 hiện nay đã trưởng thành và đầy đủ năng lực tự lo cho bản thân nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Võ Văn L: Khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã thông báo hợp lệ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Hồng L nhưng anh L không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh L tham dự các phiên hòa giải nhưng anh L đều vắng mặt, vì vậy Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Hồng L được ly hôn với anh Võ Văn L, về con chung giao cháu Võ Tiến L cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lợt theo quy định pháp luật, về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa:

Bị đơn anh Võ Văn L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng anh L vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Võ Văn L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trương Thị Hồng L và anh Võ Văn L tự nguyện kết hôn với nhau, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị L và anh L đã đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/11/2002, do vậy hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc và có hai con chung là Võ Tấn L, sinh ngày 27/7/1999 và cháu Võ Tiến L, sinh ngày 25/9/2006. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thì anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hai người không thể tiếp tục chung sống với nhau và đã ly thân kể từ tháng 11/2019 cho đến nay. Nay phía chị L muốn chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với anh L, Tòa án đã tiến hành động viên, hòa giải các bên khắc phục mâu thuẫn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng anh Võ Văn L không hợp tác và chị Trương Thị Hồng L vẫn cương quyết giữ nguyên quyết định xin ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của chị L và anh L đã không còn, mâu thuẫn giữa các bên không thể khắc phục, cuộc sống của anh, chị đã không mang lại hạnh phúc. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị L, được ly hôn với anh L để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3]. Về con chung:

Trong quá trình chung sống chị Trương Thị Hồng L và anh Võ Văn L có hai con chung là cháu Võ Tấn L, sinh ngày 27/7/1999 hiện nay đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực để tự lập, còn cháu Võ Tiến L, sinh ngày 25/9/2006, hiện nay đang sống chung với anh L. Phía chị L đồng ý giao cháu Lợi cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Qua xem xét nguyện vọng của cháu Võ Tiến L thì cháu có nguyện vọng được sống chung với cha là anh L. Xét thấy, để đảm bảo cuộc sống của cháu Lợi được ổn định không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lợi cho anh L nuôi dưỡng đến tròn 18 (*mười tám*) tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho chị L không ai được quyền ngăn cản chị thực hiện hợp pháp quyền này. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị L yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lợi, Hội đồng xét xử xét thấy cấp dưỡng là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con trong trường hợp không trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình, việc chị L yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lợi nhưng chưa có sự đồng ý của anh L là không có cơ sở để chấp nhận, vì vậy phía chị L có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi cháu Lợi định kỳ hàng tháng với mức cấp dưỡng là 800.000 đồng/tháng.

[4]. Về phân chia tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị Hồng L phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) và án phí cấp dưỡng là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Hiềnờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Hồng L được ly hôn với anh Võ Văn L.

2/ Về con chung: Giao cháu Võ Tiến L, sinh ngày 25/9/2006 cho anh Võ Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tròn 18 (*mười tám*) tuổi. Giành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Trương Thị Hồng L, không ai được quyền ngăn cản chị thực hiện hợp pháp quyền này. Đối với cháu Võ Tấn L, sinh ngày 27/7/1999 hiện nay đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực để tự lập nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: chị Trương Thị Hồng L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Võ Tiến L, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 27/10/2020 (ngày tuyên án) đến khi cháu đủ 18 (*mười tám*) tuổi, số tiền cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là 800.000đ (*tám trăm ngàn đồng*).

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị Hồng L phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) và án phí cấp dưỡng là 300.000đ (*ba*

trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003441 ngày 08/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, chị L có nghĩa vụ phải nộp thêm số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*).

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quang Nhuận